

# MỘT SỐ BẤT CẬP CỦA PHÁP LUẬT VỀ VIÊN CHỨC LÀ GIẢNG VIÊN TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC

NGUYỄN THỊ THANH \*

**Tóm tắt:** Viên chức là giảng viên trong trường đại học là lực lượng viên chức chủ yếu, có nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học,... và cung ứng dịch vụ, góp phần phát triển nền giáo dục, tạo nguồn nhân lực chất lượng cho xã hội. Nhà nước đã có nhiều chính sách, quy định nhằm phát triển nguồn nhân lực trí thức đặc biệt này. Song vẫn còn nhiều bất cập cần có giải pháp hợp lý để thu hút, phát triển, chống lãng phí trong sử dụng nguồn nhân lực này.

**Từ khóa:** Viên chức là giảng viên, tuyển dụng, thăng hạng chức danh.

**Abstract:** Lecturers in the university who are the main force of public employees have the task of teaching, scientific research, providing services, contributing to the development of education, creating high-quality human resources for the society. The State has many policies and regulations to develop this special intellectual human resource. However, there are still many shortcomings needed to be solved to attract, develop and avoid wastefulness in using this human resource.

**Keywords:** Public employees are lecturers, recruit, title promotion.

Đội ngũ viên chức là giảng viên trong trường đại học với nhiệm vụ cơ bản là giảng dạy, coi thi, chấm thi, phát triển chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung ứng các dịch vụ kết nối, thúc đẩy đưa nhanh kiến thức khoa học vào đời sống xã hội,... có tầm quan trọng đặc biệt và ý nghĩa quyết định đến chất lượng giáo dục đại học, chất lượng nguồn nhân lực bậc cao của đất nước [1, tr.5]. Nhà nước cần có chính sách, quy định pháp lý thật sự phù hợp, chế độ đãi ngộ thật sự thỏa đáng với trình

độ tri thức của đội ngũ này, nhằm thúc đẩy hiệu quả làm việc, nhiệt huyết cống hiến của họ vào tiến trình phát triển nguồn nhân lực của đất nước, dân tộc và thời đại. Tuy nhiên, hiện nay quy định pháp luật đối với đội ngũ này vẫn còn nhiều bất cập cần hoàn thiện. Đây cũng chính là mong muốn và mục tiêu mà bài viết hướng tới.

## 1. Khái quát về viên chức là giảng viên trong trường đại học

Nghiên cứu về viên chức là giảng viên trong trường đại học công lập trước hết cần quan tâm tới quy định của Luật Viên chức. Tại Điều 2 Luật Viên chức năm 2010 quy định: *Viên chức là công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.* Theo Điều 9, Luật Viên chức năm 2010 thì đơn vị sự nghiệp công lập chủ yếu là các Viện Nghiên cứu, Trường học, Bệnh viện. Bên cạnh đó còn có các tổ chức do cơ quan nhà nước thành lập như: Trung tâm trọng tài, các Đoàn, Hội; các tổ chức trực thuộc Đảng, Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước.

Vậy viên chức là giảng viên làm việc trong các trường đại học công lập (thuộc nhóm đơn

\* TS - Khoa Luật, Trường Đại học Công đoàn; Email: thanhnt@dhcd.edu.vn

vị sự nghiệp công lập chủ yếu) là đội ngũ viên chức cơ bản, chủ yếu hiện nay của Việt Nam. Theo con số thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, số lượng viên chức là giảng viên tại các trường đại học công lập hiện nay khoảng 60.000 người [4]. Trải qua hơn 30 năm đổi mới đất nước, Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chính sách, quy định pháp luật nhằm cải cách, đổi mới các chế độ, đổi mới về quản lý,... đối với viên chức là giảng viên của các trường đại học công lập, hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả làm việc, bảo đảm công bằng, khai thác hợp lý, khoa học nguồn nhân lực trí thức đặc biệt, góp phần phát triển nền giáo dục, phát triển xã hội nói chung. Cụ thể, Đảng và Nhà nước đã thể hiện quan tâm lớn tới giáo dục, đã khởi tạo và lãnh đạo ngành giáo dục đổi mới với tinh thần kế thừa, phát huy truyền thống mà có hội nhập quốc tế. Hệ thống cơ sở hạ tầng đã được đầu tư đồng bộ hơn trước, phương tiện kỹ thuật tiên tiến đã được áp dụng phục vụ nhiệm vụ giáo dục, đào tạo; chính sách đãi ngộ, ưu đãi xã hội cơ bản cũng đã tốt hơn, những xung đột và cản trở đã được nhận thức rõ và nỗ lực tìm phương thức giải quyết. Các nhu cầu về lợi ích kinh tế, chính trị, tinh thần của đội ngũ viên chức là giảng viên từng bước được nâng cao hơn; môi trường làm việc thuận lợi, lành mạnh, khoa học đã được quan tâm, phát huy và tiếp tục khởi tạo sự đồng thuận về tự tin, niềm tự hào, tự trọng của đội ngũ giảng viên trước người học và xã hội [2].

## **2. Một số bất cập trong quy định đối với viên chức là giảng viên**

Mặc dù đạt được nhiều kết quả trong chính sách đối với viên chức là giảng viên trong trường đại học từ khi đổi mới đất nước đến nay. Song, hiện nay, dưới sự tác động, điều chỉnh chủ yếu của Luật Viên chức năm 2010 và Luật Giáo dục đại học năm 2012, sửa đổi năm 2018, quy định đối với viên chức là giảng viên còn tồn tại một số bất cập chủ yếu như sau:

*Thứ nhất*, về tuyển dụng giảng viên có sự chồng chéo, rườm rà về điều kiện, thủ tục. Việc

tuyển dụng viên chức là giảng viên hiện nay thực hiện theo quy định chung về tuyển dụng viên chức, quy định tại Luật Viên chức năm 2010; Nghị định hợp nhất số 03/NĐHN-BNV, ngày 21.5.2019 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (hợp nhất 02 Nghị định: Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12.4.2012 và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29.11.2018 sửa đổi Nghị định 29/2012) cùng hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật khác, gồm: Thông tư số 03/2019/TT-BNV, ngày 14.5.2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 15/2012/TT-BNV, ngày 25.12.2012 về tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 28.11.2014 quy định về mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập; Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT, ngày 11.3.2014 quy định về chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT, ngày 24.01.2014 ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Với các quy định trong hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, người đăng ký thi tuyển viên chức nói chung phải nộp hồ sơ bảo đảm nhiều điều kiện về: văn bằng ngành nghề chuyên môn; chứng chỉ nghề nghiệp; chứng chỉ tin học cơ bản; chứng chỉ ngoại ngữ cơ bản cùng giấy chứng nhận sức khỏe, sơ yếu lý lịch theo quy định (Điều 22, Điều 24 Luật Viên chức năm 2010; Điều 4 Nghị định hợp nhất 03/NĐHN-BNV, ngày 21.5.2019; Điều 6 Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 28.11.2014; Điều 2, Điều 2 Thông tư số 15/2012/TT-BNV, ngày 25.12.2012). Sau đó, người thi tuyển viên chức phải dự thi các môn thi: kiến thức chung; chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành; ngoại ngữ; tin học văn

phòng (Điều 4 Thông tư số 15/2012/TT-BNV, ngày 25.12.2012). Việc thi các môn thi kiến thức chung và chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành là cần thiết. Tuy nhiên với môn thi ngoại ngữ, tin học hiện nay là khá lãng phí do điều kiện phát triển về khoa học kỹ thuật của xã hội, yêu cầu và thực tiễn nền giáo dục hiện nay, đặc biệt dưới sự tác động của công nghệ 4.0, các cấp giáo dục cơ bản đã thực hiện giảng dạy các kiến thức tin học, ngoại ngữ, nhất là trong chương trình đào tạo của các trường đại học đều đã phổ cập kiến thức cơ bản về ngoại ngữ và tin học gắn với chuẩn đầu ra của các trường - theo quy định các trường đều phải cam kết thực hiện chương trình theo chuẩn đầu ra và các minh chứng kèm theo (Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15.8.2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27.12.2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành kèm theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; khung trình độ quốc gia năm 2016), hoặc người thi tuyển viên chức cũng đã thi và có các chứng chỉ cơ bản tương ứng để nộp hồ sơ thi tuyển. Thực tế vấn đề này đã tạo cơ hội, nguy cơ phát sinh những tiêu cực trong tổ chức thi và cấp các chứng chỉ tin học, ngoại ngữ ở nhiều đơn vị tổ chức thi, cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học [3]. Đặc biệt, đối với người thi tuyển viên chức là giảng viên tại các trường đại học còn phải bảo đảm quy định về trình độ tối thiểu của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ đại học là thạc sĩ (Điều 54, Luật Giáo dục Đại học 2012, sửa đổi năm 2019), mà yêu cầu đào tạo và chuẩn đầu ra của trình độ thạc sĩ là phải có chứng chỉ ngoại ngữ B1 tiếng anh khung tham chiếu Châu Âu (Thông tư số: 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15.5.2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), tương ứng với trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam. Vậy nên việc phải thi môn thi ngoại ngữ, tin học đối với thi tuyển viên chức là giảng viên không cần thiết.

*Thứ hai*, việc chuyển đổi công tác của viên chức gặp khó khăn do nhu cầu lựa chọn việc

làm của viên chức còn nhiều phức tạp. Cụ thể, trong trường hợp một viên chức là nghiên cứu viên, muốn chuyển công tác trở thành giảng viên trong trường đại học là nhu cầu chính đáng, bình thường của viên chức. Nhưng theo các quy định về thi tuyển, xét chuyển, tiếp nhận viên chức hiện nay thì nghiên cứu viên này phải “âm thầm” đi thi tuyển từ đầu như người không phải là viên chức. Cũng phải nộp hồ sơ với đầy đủ bằng cấp chuyên môn, chứng chỉ,... và vẫn thi các môn kiến thức chung, thi các môn về chuyên môn nghề nghiệp, ngoại ngữ và tin học - họ không được miễn môn thi nào. Mặc dù họ đã trải qua một kỳ thi viên chức trước đó không lâu.

*Thứ ba*, việc bảo đảm chế độ đối với giảng viên là các phó giáo sư, giáo sư đã đến tuổi nghỉ hưu chưa thỏa đáng, còn phân biệt đối xử và lãng phí xã hội.

Chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ bậc cao (các nhà khoa học là các phó giáo sư, giáo sư) của nhà nước là tốt, phù hợp với sự phát triển của xã hội hiện nay. Theo ND số 141/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định: Khi đến tuổi nghỉ hưu, nếu các đối tượng là tiến sĩ (TS), giáo sư (GS), phó giáo sư (PGS) có đủ sức khỏe và có nguyện vọng được tiếp tục công tác chuyên môn, đồng thời cơ sở giáo dục đại học cũng có nhu cầu sử dụng thì TS sẽ được kéo dài thêm 5 năm công tác, PGS kéo dài thêm 7 năm và GS là 10 năm. Quy định này cho phép trường đại học tiếp tục được khai thác, sử dụng chất xám của giảng viên, nhà khoa học có chức danh GS, PGS, TS sau khi họ đến tuổi nghỉ hưu, nhà trường cũng ký hợp đồng có thời hạn 12 tháng, được ký hàng năm với các giảng viên cao cấp này. Thực tế, các GS, PGS, TS đã làm việc và gắn bó với trường đại học thì các chế độ ưu đãi cả vật chất, chính trị, tinh thần tiếp tục được duy trì kéo dài, chỉ ngừng các chế độ về quản lý điều hành nếu như người đó lúc chưa đến tuổi nghỉ hưu đã đảm nhận. Tuy nhiên các nhà khoa học có chức danh là GS, PGS đã từng làm việc tại các cơ quan nhà nước, viện nghiên cứu được trường

đại học mời ký hợp đồng làm việc (cũng theo hình thức hợp đồng có thời hạn 12 tháng và cũng ký hàng năm) và chỉ ký hợp đồng làm việc thường xuyên với 1 cơ sở giáo dục đại học duy nhất đang bị phân biệt đối xử về chế độ tuyển sinh với các GS, PGS kéo dài thời gian công tác khác. Tức là các nhà khoa học có chức danh GS, PGS được mời về trường này chỉ được tính hệ số tuyển sinh là 0.6 giống như giảng viên mời thỉnh giảng. Trong khi các giảng viên có trình độ bậc cao này được mời ký hợp đồng với nhà trường đã và luôn sẵn sàng thực hiện công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh, truyền lửa nghề cho thế hệ sau không khác gì so với các giảng viên cao cấp khác tại cơ sở đào tạo đó. Theo quy định, hệ số tuyển sinh của các giảng viên là: thạc sĩ hệ số 1, tiến sĩ hệ số 2, phó giáo sư hệ số 3 (quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT, ngày 25.02.2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28.02.2018). Điều này ảnh hưởng đến tinh thần làm việc và sự cống hiến nhất định của các GS, PGS được mời này, đồng thời gây thiệt thòi cho cơ sở đào tạo khi xây dựng tuyển sinh, gây lãng phí xã hội đối với nguồn nhân lực bậc cao đã rõ ràng có chính sách thu hút này.

*Thứ tư*, quy định về chức danh giảng viên giữa Luật Viên chức và Luật Giáo dục Đại học dường như có sự khiên cưỡng với nhau. Theo Điều 54, Luật Giáo dục Đại học năm 2012, Điều 8, Nghị định 141/NĐ-CP năm 2013 chức danh giảng viên gồm 5 chức danh: trợ giảng, giảng viên, giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư. Nhưng hai Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGD-BNV và Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BGD-BNV lại quy định ba hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy, theo đó không có chức danh trợ giảng - điều này làm ảnh hưởng tới chất lượng giảng dạy theo hệ thống tín chỉ, trong nhiều giờ giảng dạy, tình huống giảng dạy theo hệ thống tín chỉ cần tới trợ giảng. Các chức danh giáo sư, phó giáo sư và tiến sĩ đều có thể cùng được

xếp vào bậc giảng viên cao cấp hạng I.

*Thứ năm*, về xét thăng hạng viên chức - Bộ Giáo dục và đào tạo nên trả lại cho cơ sở giáo dục thực hiện xét thăng hạng. Điều 2, Thông tư số 08/2018/TT-BGDĐT, ngày 12.3.2018 về điều kiện, nội dung hình thức xét thăng hạng giảng viên quy định: việc cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và nhu cầu của cơ sở giáo dục đại học công lập. Tiếp theo là Thông tư số 12/2018/TT-BGDĐT, ngày 16.4.2018, ban hành Quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong cơ sở giáo dục đại học công lập. Như vậy việc xét thăng hạng giảng viên là do nhu cầu của cơ sở đào tạo, hiện nay cơ bản các cơ sở giáo dục đại học đang phải tự chủ nguồn tài chính để chi trả tiền lương và thu nhập cho giảng viên. Vậy việc này cơ quan quản lý nhà nước nên ban hành một bộ tiêu chuẩn để các cơ sở tự tiến hành xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thanh, kiểm tra theo bộ tiêu chuẩn đó.

### 3. Một số giải pháp hoàn thiện

*Một là*, tiếp tục giám sát sự công kênh, đò sộ, tàn mạn của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đối với viên chức là giảng viên đại học. Hiện nay, chỉ cần nghiên cứu quy định đối với một vấn đề thi tuyển viên chức thôi chúng ta phải liên quan tới ít nhất là bảy văn bản gồm cả Luật, Nghị định và Thông tư. Hay về xét thăng hạng chức danh giảng viên, Bộ Giáo dục và Đào tạo không nên vừa ban hành Thông tư 08/2018/TT-BGDĐT, ngày 12.3.2018 về điều kiện, nội dung hình thức xét thăng hạng giảng viên, ngay sau đó lại tiếp ban hành Thông tư số 12/2018/TT-BGDĐT, ngày 16.4.2018, ban hành Quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong cơ sở giáo dục đại học công lập. Nhà quản lý hoàn toàn có thể gộp 2 vấn đề này để ban hành trong một văn bản sẽ gọn nhẹ và bảo đảm tính khoa học. Điều này đòi hỏi nhà quản lý phải có tâm, có tâm tính toán, nghiên cứu kỹ lưỡng vấn đề cần giải quyết.

*Hai là*, loại bỏ các quy định lỗi thời về văn bằng, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ trong tuyển

dụng giảng viên, bổ sung hợp lý quy định trong việc chuyển đổi công việc của người đang là viên chức đã có tích lũy về nghiên cứu, về hoạt động thực tiễn, văn bằng muốn chuyển sang làm giảng viên để tránh lãng phí khi lập lại các môn thi, hoạt động thi tuyển của trường hợp này, đồng thời cũng thu hút được nguồn viên chức giảng viên có chất lượng bởi họ đã có trải nghiệm về thực tiễn nghiên cứu và thực tiễn các hoạt động tình huống, vụ việc.

Ba là, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ cần xác định rõ sự khác biệt, đặc thù của viên chức nói chung và viên chức là giảng viên đại học để ban hành quy định phù hợp với đội ngũ này, khắc phục sự khập khiễng, chông chéo hiện nay. Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần xem xét tổng thể chế độ của giảng viên gắn với các vấn đề quản lý, điều hành, tổ chức giảng dạy, cũng như quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học. Như vậy mới có thể thu hút, phát huy hết mọi nguồn lực quý giá hiện có của giáo dục đại học, góp phần phát triển nền giáo dục chất lượng, bảo đảm công bằng, khoa học, tăng cơ hội và tăng sức cạnh tranh.

Việc xác định rõ vị trí, vai trò, tính chất của viên chức là giảng viên trong trường đại học cùng những tồn tại, bất cập trong quy định pháp luật về tuyển dụng, về chế độ và tìm giải pháp khắc phục hợp lý có ý nghĩa lớn trong việc khai thác, phát triển nguồn nhân lực giảng viên, góp phần phát triển giáo dục đại học, gia tăng sự phát triển xã hội.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Vũ Thế Dũng, *Vài suy nghĩ về vai trò mới của giảng viên đại học*, <http://egov.hufi.edu.vn>, 2020, truy cập ngày 30.5.2020.
- [2] Cảnh Chí Hoàng, *Tạo động lực làm việc của giảng viên các trường đại học*, <http://tapchitaichinh.vn>, 2018, truy cập ngày 26.5.2020.
- [3] Thủy Nga, *Gần 50 đơn vị phải dừng tổ chức thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học*, <https://vietnamnet.vn>, 2019, truy cập ngày 28.5.2020.
- [4] Nguyễn Văn Phong, Nguyễn Thị Kim Ngân, *Thực trạng đội ngũ giảng viên các trường đại học công lập ở Việt Nam, Tổ chức Nhà nước*, 2018, <https://tcnn.vn>, truy cập ngày 20.5.2020.
- [5] Vũ Hà Văn, *Vai trò của Giảng Viên trong trường Đại Học, Tham luận tại hội thảo Cải cách giáo dục đại học VED 2014*, <https://vuhavan.wordpress.com>; Posted on 19.01.2017.

#### ⇒ Tiếp theo trang 91 (TƯ PHÁP QUỐC TẾ TRÊN THẾ GIỚI...)

25.4.1977 của Hội đồng Chính phủ về chính sách đối với người nước ngoài cư trú và làm ăn sinh sống ở Việt Nam, quy định trong vấn đề quyền sở hữu, thừa kế, chọn ngành, chọn nghề, quyền và nghĩa vụ học tập, lao động, cư trú, đi lại của người nước ngoài cư trú, làm ăn sinh sống ở Việt Nam, do pháp luật Việt Nam quy định.

<sup>7</sup> Tờ trình số 5529/PC ngày 30.9.1995 của Chính phủ trình Quốc hội về việc tiếp thu ý kiến Nhân dân, các ngành, các cấp và Đại biểu Quốc hội, chỉnh lý Dự thảo Bộ luật Dân sự có ghi rõ: “Đây là một vấn đề phức tạp, chúng ta lại chưa có kinh nghiệm trong thực tế, do đó việc quy định phải thận trọng, trước mắt chỉ quy định các vấn đề đã rõ nhằm đáp ứng yêu cầu bức xúc trong thực tế phát triển kinh tế, giao lưu quốc tế hiện nay”.

<sup>8</sup> Ngày 18.12.2015, Việt Nam đã gia nhập Công ước Viên 1980 của Liên hợp quốc về mua bán hàng hóa

quốc tế (CISG 1980) và trở thành thành viên thứ 84 của Công ước này.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Jean Derruppe, *Tư pháp Quốc tế*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.
- [2] Tờ trình số 5529/PC ngày 30.9.1995 của Chính phủ trình Quốc hội về việc tiếp thu ý kiến Nhân dân, các ngành, các cấp và Đại biểu Quốc hội, chỉnh lý Dự thảo Bộ luật Dân sự.
- [3] Clarkson & Hill Jonathan, *Jaffey on the conflict of laws*, second edition, Lexisnexis UK, 2002.
- [4] Forsyth C.F. assisted by Bennett T.W., *Private international law*, the Rustica press, 1981.
- [5] Graveson R.H., *the conflict of laws*, sixth edition, London Sweet and Maxwell, 1969.
- [6] Nygh P.E., *Conflict of laws in Australia*, third edition, Butterworth, 1976.